

Nét tương đồng và khác biệt giữa Bia Tiến sĩ tại Văn Miếu Hà Nội và Văn Thánh Huế

THU TRANG - NGUYỄN THỊ MAI

Nọc thuyết Nho giáo là hệ tư tưởng chính trị bắt nguồn từ Trung Hoa, lan tỏa và ảnh hưởng đến các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Từ khi hệ tư tưởng này được các vương triều phong kiến Việt Nam coi trọng đã sản sinh ra tầng lớp Nho sĩ hiển đạt. Họ là những trí thức đã đóng góp rất nhiều cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Các vương triều phong kiến xưa khuyến khích kẻ sĩ và làm gương cho người đi học bằng việc dựng bia cho khoa thi mà họ đã đỗ đạt. Hiện nay có hai nơi có hệ thống Bia Tiến sĩ lớn nhất của cả nước, đó là Văn Miếu Hà Nội và Văn Thánh Huế.

Tại Văn Miếu Hà Nội hiện còn 82 tấm bia ghi danh 1307 tiến sĩ thi đỗ, được dựng trong khoảng thời gian gần 300 năm (1484 - 1780), còn Văn Thánh Huế là 32 tấm bia của 39 khoa thi, ghi danh 239 người đỗ đạt, được dựng trong thời gian gần 100 năm (1822 - 1919). Cùng là hệ thống Bia Tiến sĩ nhưng ở hai nơi đều có những nét tương đồng và khác nhau, phản ánh rõ nét quan điểm của từng thời kỳ lịch sử.

1- Những điểm tương đồng

Việc dựng Bia Tiến sĩ là chủ trương của các triều đại phong kiến. Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội dựng dưới triều Lê - Mạc, còn Bia Tiến sĩ ở Văn Thánh Huế dựng dưới triều Nguyễn. Các triều đại phong kiến cùng muốn thông qua việc dựng Bia Tiến sĩ làm vinh dự về vang cho

những người có ý chí vươn lên trong học tập và nhắc nhở trọng trách của kẻ sĩ đối với triều đình, với quốc gia, dân tộc.

Qua những tấm Bia Tiến sĩ, chúng ta có thể xác định được họ tên, quê quán của các vị tiến sĩ và khẳng định thêm về đóng góp, công trạng của họ đối với đất nước.

Các tấm Bia Tiến sĩ này không chỉ khắc cho các khoa thi Tiến sĩ mà còn khắc thêm các khoa thi là Ân khoa, Chế khoa, Nha sĩ khoa, Hoành từ khoa. Văn Miếu Hà Nội có 3 khoa thi năm 1554, 1565, 1577 là bia khắc về khoa thi Chế khoa, còn Văn Thánh Huế thì có 1 khoa thi Chế khoa - năm 1851, 1 Nha sĩ khoa - năm 1865, 3 khoa thi Ân khoa vào các năm 1869, 1879, 1884. Như vậy, ngoài việc tổ chức các khoa thi Tiến sĩ như hạn định thì các triều đại phong kiến còn mong qua "cái lưới của thi cử" có thể tuyển lựa thêm nhân tài bổ sung cho vương triều của mình.

Bia Tiến sĩ của cả hai nơi này cùng được chế tác từ chất liệu đá, đó là đá xanh, độ mịn cao, chịu được sức mài mòn, phong hóa và tác động của tự nhiên. Từ xưa tới nay, ông cha ta thường dùng loại đá này để làm khánh, khắc bia và tạc tượng.

Quy trình dựng Bia Tiến sĩ đều do những cơ quan đầu não của quốc triều đảm nhiệm, các công việc liên quan đến việc dựng đều do các quan ở bộ Lễ đích thân trông nom. Việc chọn

đá, tuyển thợ khắc do Bộ Công phụ trách. Những người thợ khéo tay của những làng chuyên khắc đá ở các tỉnh được giao nhiệm vụ khắc và trang trí bia. Như vậy, việc dựng Bia Tiến sĩ đặt ở hai Văn Miếu cấp quốc gia là chủ trương của nhà nước tiến hành. Bia đều gồm 3 phần là trán bia, thân bia và đế bia. Trong tư cách đội bia, rùa thường đại diện cho thế giới bên dưới, trán bia tượng cho tầng trời và thân bia nói đến sự việc của thế nhân - như thế, toàn bộ tấm bia do rùa đội, mặt nào đã là một biểu tượng của tam tầng thế giới (tam tài - thiên - địa- nhân). Ngoài ra, rùa (và cả rắn) là linh vật trấn phương Bắc, được coi là con vật biểu tượng cho sự trường tồn và bền vững.

Cùng chịu sự tác động từ ý thức chủ quan của vương triều nhà Nguyễn. Tại Văn Miếu Hà Nội, theo cụ Ngô Đức Kế, trong một lần vào thăm Văn Miếu năm 1924 thì, "Trong các bia ấy có nhiều chỗ bị đục mất một đám chữ, ban đầu không hiểu tại cơ sao, sau xem kỹ mới biết chỗ đục mất chữ đi đó là chỗ tước hiệu của chúa Trịnh, chắc rằng mới đục từ quan bản triều". Trên thực tế, tháng 8/1840, Minh Mệnh "truyền dụ cho các địa phương từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, phàm các đền, từ có bia, biển của họ Trịnh làm ra, đều cho như thế mà làm. Lại các sườn núi, đỉnh núi ở các núi có tiếng nào mà có chữ họ Trịnh đề khắc, đều mài đục đi, chớ để lại dấu tích"², đó là những căn cứ để thấy rằng, 68 tấm bia thời Lê Trung Hưng (các bia dựng từ năm 1653 đến năm 1779) đã bị đục bỏ một số chữ ở phần đầu bài văn bia, vì phần đầu bài văn bia thời kỳ này có đoạn ca ngợi công lao của các chúa Trịnh thường mở đầu bằng chữ "thực lại" (thực nhờ), sau đó là tước hiệu của chúa Trịnh. Do vậy, hai chữ trên cũng cùng chung số phận bị đục bỏ.

Còn ở Văn Thánh Huế, nhà Nguyễn cũng cho đục bỏ một số chữ, chủ yếu là đục bỏ tên những người đã được khắc tên trên bia nhưng sau đó lại có liên quan đến việc chống lại thực dân Pháp, hoặc bị thua trận nên bị triều đình đục bỏ như Phạm Văn Xương, Tống Duy Tân khoa thi (1875), Đinh Văn Phác (1822), Phan Đình Phùng (1877), Phan Trọng Mưu (1879)... Hoặc tên đệm của các vị Tiến sĩ mà trùng với tên với vua Thiệu Trị là Nguyễn Miên Tông. Nhà Nguyễn kiêng húy đã cho đục bỏ chữ đệm

là Tông như, Hà Tông Quyền đổi thành Hà Quyền, Lê Tông Quang đổi thành Lê Quang (1822), hoặc đổi chữ Tông thành chữ khác như, Nguyễn Tông đổi tên thành Nguyễn Trữ - khoa thi (1829).

2- Những nét khác biệt

Bên cạnh những điểm tương đồng thì Bia Tiến sĩ ở Văn Thánh Huế và ở Văn Miếu Hà Nội mang những nét đặc trưng riêng vô cùng độc đáo.

Kích thước của Bia Tiến sĩ ở Hà Nội và Huế không giống nhau. Bia Văn Thánh Huế có kích thước tương đối đồng đều, chiều cao trung bình khoảng 158cm, chiều rộng trung bình khoảng 70cm, độ dày của bia là 20cm (chưa kể đế bia). Nếu chúng ta có sự đối chiếu rộng ra thì nhìn bia tại Văn Thánh Huế hao hao giống Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Bắc Kinh.

Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội có sự chênh lệch rất lớn về kích thước, tấm bia nhỏ nhất có chiều cao là 110cm, chiều rộng 70cm (chưa kể đế bia) và tấm bia to nhất có chiều cao là 175cm, chiều rộng là 130cm (chưa kể đế bia). Trong số bia ở Văn Miếu Hà Nội, có 26 khoa thi được dựng ngay sau khi thi, số bia còn lại chủ yếu làm vào các đợt khác nhau. Có 3 đợt dựng bia nổi bật nhất mà Trung tâm Hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã thống kê được, như sau: Năm 1484 dựng 10 bia về các khoa thi Tiến sĩ từ năm 1442 đến 1484; năm 1653 dựng 25 bia về các khoa thi Tiến sĩ từ năm 1554 đến 1652; năm 1717 dựng 21 bia về các khoa thi Tiến sĩ từ năm 1656 đến 1712. Bia các đời sau to hơn các đời trước, riêng số bia dựng năm 1717 có sự khác biệt rất lớn, cụ thể là, có sự đóng góp của chính những người đỗ tiến sĩ: "Năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717) lại hạ lệnh truy lập bia đỗ 11 khoa, người nào hiện còn sống, thì những người ấy tự lo liệu lấy chi phí, 5 khoa không có người hiện tại, thì quan tự ứng tiền công chi phí, đều hạ lệnh cho bấy tôi giữ việc từ hàn soạn văn bia; mấy khoa sau về việc lập bia, thì người tiến sĩ mới tự lo liệu lấy, rồi xin văn bia của triều thần"³. Đây có thể là căn nguyên khiến Bia Tiến sĩ về sau có kích thước to hơn?

Bia Tiến sĩ ở Văn Thánh Huế có một số khoa khi được gộp vào dựng cùng một bia còn Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội thì có một số tấm

bia khắc 2 mặt.

Ở Huế, số lượng Bia Tiến sĩ không nhiều. Hiện tổng số là 32 bia, trong đó có 31 bia là của các khoa thi khắc 292 vị tiến sĩ đỗ ở 39 khoa và một bia khắc tên vị tiến sĩ đặc cách Bùi Ân Niên, có tới 3 bia khắc chung 3 khoa, đó là:

- Khoa thi Nha sĩ năm Ất Sửu (1865), khoa thi Tiến sĩ Thường khoa năm Mậu Thìn (1868), khoa thi Tiến sĩ Ân khoa năm Kỷ Tỵ (1869) khắc chung một bia.

- Khoa thi Tiến sĩ Tân Mùi (1871), khoa thi Tiến sĩ năm Ất Hợi (1875), khoa thi Tiến sĩ năm Đinh Sửu (1877) khắc chung vào một bia.

- Khoa thi Ân khoa năm Kỷ Mão (1879), khoa thi Thường khoa năm Canh Thìn (1880), khoa thi Ân khoa năm Giáp Thân (1884) khắc cùng một bia.

Có 2 bia khắc chung 2 khoa, đó là:

- Khoa Nhâm Thìn (1892), khoa Ất Mùi (1895) khắc chung một bia.

- Khoa Mậu Tuất (1898), khoa Tân Sửu (1895) khắc chung một bia.

Hiện tượng khắc chung Bia Tiến sĩ trên có thể là do tác động của hoàn cảnh chính trị - xã hội đương thời. Năm 1858, Pháp nổ súng đầu tiên trên bán đảo Sơn Trà báo hiệu cho cuộc xâm lăng của đế quốc Pháp. Triều đình nhà Nguyễn đứng trước rất nhiều thử thách phải đối phó, do vậy, việc quan tâm đến học hành, khoa cử nói chung và việc dựng bia cho các khoa thi có phần nào không chu tất.

Năm 2008, Trung tâm Hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội làm lại các thạc bản văn bia, đã phát hiện 10 tấm bia khắc 2 mặt, một số tấm bia mặt phía sau rất khó phát hiện ra nếu không quan sát kỹ vì phía sau thường không được trang trí hoa văn, mài dũa cẩn thận như mặt trước:

- Khoa thi Tiến sĩ năm Đại Bảo tam niên - Nhâm Tuất (1442).

- Khoa thi Tiến sĩ năm Thái Hòa lục niên - Mậu Thìn (1448).

- Khoa thi Tiến sĩ năm Quang Thuận tứ niên - Quý Mùi (1463).

- Khoa thi Tiến sĩ năm Quang Thuận thất niên - Bình Tuất (1466).

- Khoa thi Tiến sĩ năm Hồng Đức lục niên - Ất Mùi (1475).

- Khoa thi Tiến sĩ năm Hồng Đức cửu niên -

Mậu Tuất (1478).

- Khoa thi Tiến sĩ năm Hồng Đức thập nhị niên - Tân Sửu (1481).

- Khoa thi Tiến sĩ năm Hồng Đức thập bát niên - Đinh Mùi (1487).

- Khoa thi Tiến sĩ năm Hồng Đức nhị thập thất niên - Bình Thìn (1496).

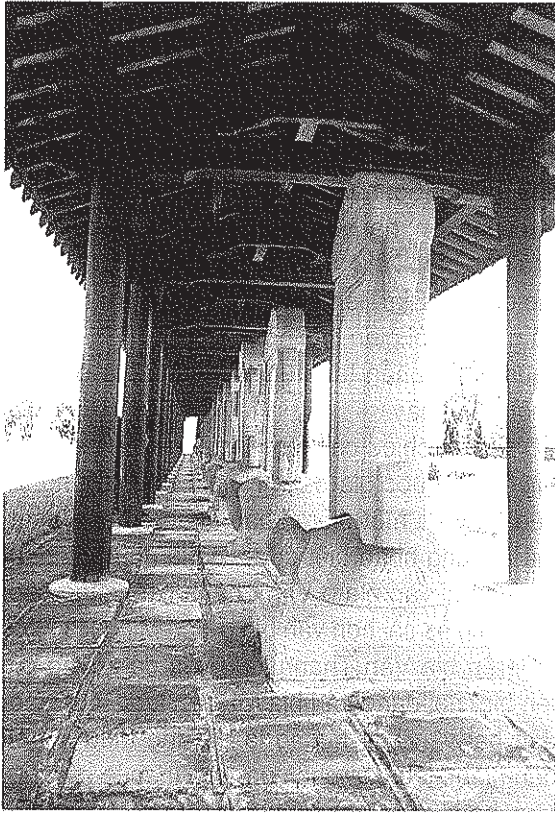
- Khoa thi Tiến sĩ năm Vĩnh Khánh thứ ba - Tân Hợi (1731).

Có 9 tấm bia hai mặt được dựng dưới thời Lê Thánh Tông trị vì (ông chính là người quyết định dựng bia cho các khoa thi Tiến sĩ), với 2 niên đại là Quang Thuận và Hồng Đức. Đó là thời kỳ thịnh đạt của khoa cử Nho học. Hiện Trung tâm Văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám đang cố gắng hoàn thiện các bản dịch mặt sau của các tấm bia này để tìm đáp án cho các câu hỏi liên quan như: Mặt sau của bia nội dung là gì? khắc cùng thời điểm ấy hay người đời sau khắc vào? Riêng tấm bia của khoa thi năm 1731 thì mặt sau khắc một chữ Thọ. Căn cứ vào ghi chép của Lê Quý Đôn, có thể tấm bia này cũng nằm trong thời điểm mà việc dựng bia cho các khoa thi có sự đóng góp của gia đình các vị tiến sĩ. Đặc biệt là khoa thi 1731 Nguyễn Nghiễm đỗ hoàng giáp, phải chăng có sự đóng góp của gia đình vị hoàng giáp nổi tiếng này và các vị tiến sĩ khác nên có sự "đặc cách" như thế chăng?

Nếu xét về mặt nghệ thuật điêu khắc thì Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội phong phú và đa dạng hơn Bia tiến sĩ ở Văn Thánh Huế, thể hiện ở cả 3 phần là trang trí trên trán bia, diềm bia và điêu khắc rùa.

Trang trí trên trán bia ở Văn Thánh Huế chỉ có 2 mô típ quen thuộc, đó là "lưỡng long châu nguyệt" hoặc mây trăng cách điệu. Kiểu dáng của trán bia được cách điệu thành hình cánh sen, trông đẹp hơn nhưng trang trí thì đơn điệu hơn trán bia Văn Miếu Hà Nội.

Các Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội thì kiểu dáng đơn giản, hình khum vòm, trang trí mỹ thuật ngoài đề tài chính là "lưỡng long châu nguyệt", mây trăng cách điệu thì còn một số chủ đề khác rất đặc sắc và phong phú và bắt mắt về mặt mỹ thuật. Trán bia 1580 có "long mã châu mặt nguyệt", long mã được tạo hình khỏe khoắn, dáng dấp oai phong, cổ và ngực nhiều ngấn khúc, lưng trang trí vảy cá, rất



Hệ thống Bia Tiến sĩ trong nhà bia tại Văn Thánh Huế - Ảnh: N.T

nhiều gai nhọn toát lên vẻ uy nghiêm bề thế. Bia dựng năm 1589 trang trí “phượng châu mặt nguyệt”. Phượng được điêu khắc rất rõ nét, dáng mềm mại uyển chuyển. Như vậy, ngoài mô típ quen thuộc thường được trang trí trên trán bia là “lưỡng long châu nguyệt” và “mây trăng cách điệu”, thì ở Văn Miếu Hà Nội chúng ta bắt gặp phượng, long mã, là những con vật có ý nghĩa trong đời sống tâm linh trở thành những linh vật được trang trí trên bia.

Về phần diềm bia, có thể nói, Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội được các nghệ nhân thể hiện ý tưởng trang trí rất phóng khoáng, không khuôn mẫu như trang trí diềm bia của Văn Thánh Huế. Khi quan sát diềm bia của Văn Thánh Huế thì chúng được trang trí lặp đi, lặp lại hình hoa sen, hoa trà cách điệu, hình sóng nước và được trang trí cả 4 mặt diềm vì Bia Tiến sĩ Văn Thánh Huế không có phần ghi tiêu đề của khoa thi năm đó.

Trong khi đó, diềm bia của Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội chỉ trang trí 3 mặt, còn phần nối giữa thân và trán để ghi tên của khoa thi, như:

“Đại Bảo tam niên Mậu Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kỷ” (Bài ký khoa thi Tiến sĩ năm Mậu Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 3 - 1442). Các tấm Bia Tiến sĩ triều Lê - Mạc rất chú trọng phần thể hiện tên khoa thi và thường dùng chữ triện để tạc.

Các diềm bia của Bia Tiến sĩ Văn Miếu Hà Nội như một thế giới sống động, với rất nhiều hoa lá, chim muông, thậm chí có cả hình ảnh người nông dân cho đến những viên quan cùng được các nghệ nhân thể hiện rất có hồn.

Trên diềm bia trang trí rất nhiều các loài hoa: Sen, mai, lựu, trà, cúc... kết hợp cùng cành lá tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Ngoài ra, diềm bia còn được trang trí bởi rất nhiều hình khối khác nữa như: trĩ, vịt, sáo, chào mào... ở rất nhiều tư thế, tạo nên nét chấm phá, điểm tô tạo cho khung cảnh thêm chất thơ và tính trữ tình.

Trên tấm bia dựng năm 1580, trán bia đã trang trí một đề tài rất đặc biệt là “long mã châu nguyệt”, diềm bia dưới cùng trang trí 2 con ngựa đang phi nước đại, diềm bia ở phần trán bia thì trang trí đôi chim phượng đang trong tư thế giang cánh bay xa. Trên bia này cũng xuất hiện 2 linh vật không phải là “rồng - phượng” như ta thường thấy mà là “long mã - phượng”, đây là sự phá cách nghệ thuật của người nghệ nhân chạm khắc đá.

Trên tấm bia dựng năm 1589, diềm bia phía dưới như tạc cả một đầm sen đang nở rộ cùng với các loài cò, sếu đang kiếm mồi, vịt đang tung tăng bơi lội. Hình ảnh này cho chúng ta liên tưởng đến cảnh sinh hoạt của một vùng quê thanh bình nào đó, chứ không phải là chốn kinh thành phồn hoa đô hội.

Trên tấm bia dựng năm 1604, phía cuối của diềm bia bên trái tạc cảnh hổ đang đuổi hưu. Như vậy, bên cạnh cảnh tượng của làng quê yên bình thì cũng xuất hiện cảnh tượng cạnh tranh rất tự nhiên ở rừng xanh.

Tấm bia dựng năm 1643 là bia có diềm được trang trí bia đặc biệt nhất. Diềm bia phía bên trái tạc hình 2 người, một người đóng khố, tay có vũ khí, một người mặc áo thụng giống như một vị quan. Diềm bia phía bên phải thì có hai người mặc áo thụng giống như cảnh 2 vị quan, phía trước là một con trâu đang quay đầu

lại phía sau, sau lưng là hình cái cày. Có người cho rằng, đây là thể hiện cảnh "tịch điền" ngày xưa, có người cho rằng, đó là thể hiện một buổi tế gì đó... Gắn sát đế bia, một bên xuất hiện rồng, một bên xuất hiện hổ. Như vậy, trên tấm bia này còn ẩn giấu nhiều điều cần giải mã về cách trang trí trên diềm bia.

Trên bia dựng năm 1650, phần cuối diềm bia bên trái trang trí một chú hổ đang ở tư thế ngồi, đầu ngoảnh lại trong tư thế nhàn nhã, còn diềm bia phải thì tạc nai mẹ và nai con ôm ấp nhau. Hai mẹ con nhà nai này thể hiện tình cảm thiêng liêng cao quý nhất đó là tình mẫu tử.

Như vậy, trang trí trên diềm Bia Tiến sĩ của Văn Thánh Huế đơn giản bao nhiêu thì trang trí Bia Tiến sĩ của Văn Miếu Hà Nội công phu bấy nhiêu. Qua phác thảo những nét nổi bật về trang trí, chúng ta đã thấy các đề tài trang trí trên Bia Tiến sĩ Văn Miếu Hà Nội vô cùng phong phú, từ những con vật trong hệ tứ linh là long, ly, quy, phượng đến những con thú khác gắn với đời sống thường ngày như, các loại chim, vịt, hươu, nai, hổ,... thậm chí cả con người. Như vậy, có thể thấy bên cạnh các yếu tố cung đình thì có cả yếu tố dân gian cũng được thể hiện ở đây.

Về nghệ thuật tạo tác rùa thì cả hai nơi đều có những nét khác biệt. Ở Văn Thánh Huế, rùa được tạc với bề dày quá lớn so với thực tế, mai nổi vồng cao (đây là một trung tâm của Nho giáo, mà người Huế đã từng có quan niệm, mu rùa mang hình thức giống "Âm vật", nên muốn làm dày thân rùa để đáng vẻ khác hẳn đi).

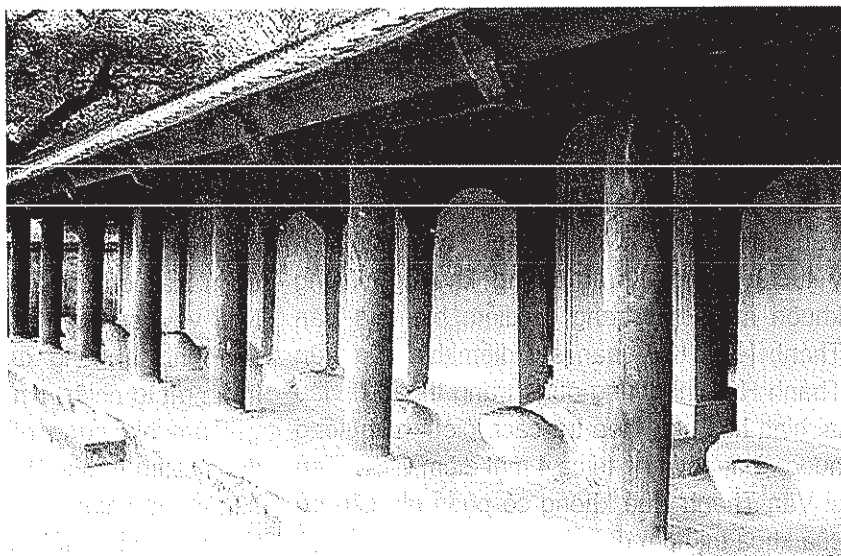
Rùa ở Văn Miếu Hà Nội thì không cùng một kiểu dáng. Những con niên đại sớm được tạc dáng bệ, trơn nhẵn từ các khối vuông góc cạnh, có con thì được tạc kiểu cổ rụt, đầu chếch hoặc bằng, mặt bệ, mắt tròn nhỏ.

Những con rùa có niên đại muộn hơn có hình lục giác trên lưng, mai cong và có một gờ nhỏ chạy dọc sống lưng, vai rùa gần như vuông, chân tạc sơ sài. Rùa đội bia ghi khoa thi năm 1640, đầu được tạc rất giống với đầu rắn, với nhiều xoắn ốc, hai mắt lồi hẳn ra ngoài, mũi có râu vểnh lên, hai răng nanh chìa ra ngoài trông khá đặc biệt. Như vậy, đôi lúc người nghệ nhân tạc đá làm Bia Tiến sĩ đặt tại Văn Miếu Hà Nội đã giành thời gian thổi hồn vào các hình rùa để chúng góp phần tạo nên một vườn bia có một không hai này.

Khi đối chiếu các tấm Bia Tiến sĩ ở hai Văn Miếu cấp quốc gia ở Hà Nội và Huế, chúng ta đều thấy có một điểm khác nhau cơ bản nhất mà ai cũng nhận biết được, đó là những thông tin mà bài văn bia ở Văn Thánh Huế cung cấp thông tin sơ sài hơn văn bia ở Văn Miếu Hà Nội.

Trên bia Văn Thánh Huế vốn đã không có tên bia, nội dung văn bia rất giản lược. Câu mở đầu bài văn bia thường là "Hoàng triều"... rồi đến niên hiệu của nhà vua, tiếp theo là các thứ bậc, họ tên, quê quán của những người thi đỗ, cuối cùng là ngày tháng năm khắc và dựng bia.

Trong khi đó, bài ký của các khoa thi Tiến sĩ khắc trên bia tại Văn Miếu Hà Nội thì cung cấp thông tin khá đầy đủ, mang tính sử liệu rất cao. Thông thường, một bài văn bia thường gồm: Một dòng tiêu đề của khoa thi phía trên nối giữa phần trán bia và bài ký, năm tổ chức khoa thi,



Hệ thống Bia Tiến sĩ trong nhà bia tại Văn Miếu Hà Nội -
Ảnh: C.T.V

ca ngợi triều vua đang trị vì, tên các vị quan tham gia tổ chức khoa thi như Đề điều, Giám thí, Độc quyển, Đàng lục...; cách thức tổ chức thi; họ tên và quê quán của những người thi đỗ; tên nhóm người tham gia dựng bia (soạn, nhuận sắc và viết triện).

Có những áng văn trong bài ký trở thành áng văn bất hủ, được lưu truyền muôn đời và trở thành phương châm cho những người làm quản lý trong việc kiến thiết đất nước. Bia dựng năm 1442 có lời rằng: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước cường và thịnh, nguyên khí nhược thì thế nước yếu mà thấp hèn". Bia năm 1679 thì ghi: "Đặt khoa thi thu nạp hiền tài để tạo công cụ làm nên cuộc bình trị...". Bia năm 1496 thể hiện rõ hơn: "Từ xưa các bậc đế vương trị nước, chấn hưng giáo hóa, mở mang thịnh trị không đời nào không coi việc cầu tìm nhân tài, kén chọn kẻ sĩ là việc làm đầu tiên".

Có những bia còn cho ta thấy số lượng người tham gia thi. Kỳ thi đông nhất là năm 1640 là 6000 người tham gia thi, lấy đỗ 22 người, tỉ lệ là 1/237/người đỗ, khoa thi 1673 số người tham dự thi là 3000, lấy đỗ 5, tỉ lệ là 1/600/người đỗ... Như vậy, muốn được học vị tiến sĩ dưới thời phong kiến, Nho sinh phải có kiến thức thật xuất sắc mới có thể vượt qua rất nhiều thí sinh khác để được ghi tên trên bảng vàng bia đá.

Tên các vị quan Giám khảo của các khoa thi thường là những vị quan đầu triều, có kiến thức uyên thâm và đạo đức trong sáng. Điều đó đảm bảo tính nghiêm minh trong thi cử. Đọc trên văn bia, chúng ta thấy các tên tuổi đã từng làm giám khảo như: Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh... Còn những người được giao trọng trách viết văn bia và nhuận sắc cũng là những người rất nổi tiếng như: Lê Quý Đôn, Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Quý Đức, Dương Trí Trạch, Thân Nhân Trung... Trên các tấm bia này không chỉ có tên những vị quan giám khảo, các vị quan được giao nhiệm vụ soạn văn bia, nhuận sắc mà còn có tên những người thợ thủ công tham gia viết chữ và khắc đá.

Cũng trên các bài văn bia này, chúng ta thấy được thi cử Nho học qua các thời kỳ lịch sử. Thời Lê - Mạc lấy đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ đệ

nhất danh (trạng nguyên). Nhưng thời Nguyễn thi chức vị này không còn nữa vì nhà Nguyễn thực hiện 4 không để tập trung quyền lực tối cao cho nhà vua (không lập hoàng hậu, không lấy đỗ trạng nguyên, không phong vương cho người ngoài hoàng tộc và không có tể tướng). Nhưng thời này lại lấy đỗ thêm một hạng nữa dưới hàng tiến sĩ đó là hạng phó bảng đó cũng là một cách thức khuyến khích kẻ sĩ đi học và đi thi.

Vì Bia Tiến sĩ Văn Thánh Huế được dựng dưới triều Nguyễn nên chưa có hiện tượng khắc lại các văn bia. Nhưng Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội thì có hiện tượng khắc lại một số bài văn bia có niên đại sớm vì chữ quá mờ không nhìn rõ. Theo Tiến sĩ Nguyễn Thúy Nga tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, có tới 12 tấm bia được Lê Hữu Thanh cho khắc lại, đó là: "Đại Bảo 3 (1442), Thái Hòa 6 (1448), Quang Thuận 7 (1466), Hồng Đức 9 (1478), Hồng Đức 12 (1481), Hồng Đức 27 (1496), Cảnh Thống 5 (1502), Hồng Thuận 3 (1511), Quang Thiệu 3 (1518), Minh Đức 3 (1529), Thuận Bình 6 (1554), Chính Trị 8 (1565)". Bia do những người đời sau khắc lại nên đôi chỗ bị thay đổi tên địa danh, một số chữ sai so với ban đầu. Nhưng điều đó không làm thay đổi tính sử liệu của nó.

Những tấm Bia Tiến sĩ ở 2 Văn Miếu cấp quốc gia này đã trở thành những pho sử liệu vô cùng quý giá giúp các du khách trong và ngoài nước đến thăm Cố đô Huế hay thủ đô Hà Nội đều cảm nhận được bề dày lịch sử và văn hóa của một đất nước anh hùng và hiếu học. Sự kiện Bia Tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám được công nhận là di sản tư liệu thế giới một lần nữa khẳng định giá trị khoa học và lịch sử của di sản này./.

T.T - N.T.M

Chú thích:

- 1- Ngô Đức Kế *Kế cuộc đời và tác phẩm*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Tĩnh, 2008, tr. 90.
- 2- *Đại Nam thực lục*, tập 5 (bản dịch), Nxb. Giáo dục, 2004, tr. 738.
- 3- Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục* (bản dịch), Nxb. Văn hóa Thông tin, 2007, tr. 110.
- 4- Nguyễn Thúy Nga, "Việc khắc lại 12 tấm Bia Tiến sĩ ở Văn Miếu Hà Nội", *Tạp chí Hán Nôm*, số 2/2002, tr. 28.